

KINH 1213. BẤT LẠC<sup>1</sup>

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, tại thành Vương xá.

Bấy giờ, Tôn giả Ni-câu-luật Tướng<sup>2</sup> ở chỗ hoang dã nơi ở của cầm thú<sup>3</sup>. Tôn giả Bà-kỳ-xá xuất gia chưa lâu mà có những oai nghi như vậy: sống nương vào thành ấp, làng xóm. Sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành ấp, làng xóm đó khát thực, khéo bảo vệ thân mình, giữ gìn các căn môn, nhiếp tâm cột niệm. Ăn xong, trở về trú xứ, cất y bát, rửa chân xong, vào thất tọa thiền, giầy lát xả thiền. Không chấp đắm khát thực, nhưng vị kia<sup>4</sup> không tùy thời giáo thọ, giáo giới, nên tâm không an lạc, giống như sống trong chỗ thâm sau, chung quanh bị che kín.

Rồi, Tôn giả Bà-kỳ-xá suy nghĩ: “Ta không được lợi, khó được, chứ không phải dễ được! Ta không được tùy thời giáo thọ, giáo giới, nên tâm không an lạc, giống như sống trong chỗ thâm sau, chung quanh bị che kín. Nay ta nên nói kệ tán thán sự nhàm chán của mình.”  
Liền nói kệ:

*Phải bỏ vui, không vui,  
Cùng tất cả giác tham<sup>5</sup>;  
Không gây dựng xòem giềng<sup>6</sup>,  
Lìa nhiễm gọi Tỳ-kheo.  
Với sáu giác tâm tưởng<sup>7</sup>,*

1. Pāli, S. 8. 2. Arati. Thera. 1214-1218. Biệt dịch, N<sup>o</sup>100(229).
2. Ni-câu-luật Tướng 尼拘律相. Bản Cao-ly đọc là tướng 相. Tống-Nguyên-Minh đọc là tướng 𣪗. Pāli: Nīgrodhakappa, Hòa thượng của Vaṅṅisa.
3. Bản Pāli: Āḷaviyaṃ Āggāḷave cetiye, trong miếu Āggāḷava, ở Āḷavi. Bản Hán hiểu Āḷavi là danh từ chung chứ không phải địa danh.
4. Chỉ Tôn giả Ni-câu-luật Tướng. Trong bản Pāli, đoạn này nói, Nīgrodhakappa sau khi khát thực về, vào thất, đóng cửa cho đến chiều hôm sau. Vì vậy, Vaṅṅisa buồn rầu, vì không được Thầy quan tâm giáo giới.
5. Tham giác 貪覺. Pāli: gehasikaṃ vitakkaṃ, tâm tư thế tục.
6. Hán: ư lân vô sở tác 於鄰無所作. Pāli: vanathaṃ na kareyya kuhiñca, không tạo rừng tham ái bất cứ ở đâu.

Rong ruổi nơi thế gian;  
Che giấu ác bất thiện,  
Không thể lột bỏ vỏ.  
Nơi tâm vui ô uế,  
Đó không gọi Tỳ-kheo.  
Trói buộc bởi hữu dư<sup>8</sup>,  
Cùng thấy, nghe, hiểu, biết.  
Với người giác ngộ dục<sup>9</sup>,  
Nơi kia không còn nhiễm.  
Người không nhiễm như vậy,  
Thì đó là Mâu-ni.  
Đại địa và hư không,  
Các sắc tượng thế gian;  
Chúng là pháp biến diệt,  
Vững lặng tự quyết định.  
Tu tập lâu pháp khí,  
Mà được tam-ma-đề;  
Không xúc, không đối nịnh,  
Tâm này rất chuyên chú.  
Thánh kia Niết-bàn lâu,  
Cột niệm đợi thời diệt<sup>10</sup>.

Khi Tôn giả nói kệ tự nhàm chán, xa lìa; tâm tự khai giác đối với những điều không vui, sau khi đã khai giác rồi thì tâm trụ hân hoan.

## M

- 
7. Lục giác tâm tưởng 六覺心想 . So Pāli: saṭṭhi nissitā savitakkā, puthū janatāya adhammaṃ nivittā, y chấp nơi sáu mươi loại tâm cấu, phàm phu bị dính chặt vào phi pháp. Theo Số giải, với sáu cảnh, mỗi cảnh có mười tâm cấu phi pháp.
  8. Hữu dư 有餘 ; đây chỉ hữu dư y, phiền não làm sở y cho thọ sanh. Pāli: upadhi janā gadhitāse, chúng sanh bị trói chặt vào hữu y.
  9. Pāli: vinodaya chadam, đã đoạn dục.
  10. Pāli: santam padam ajjhagamā muni paṭicca parinibbuto kaṅkhati kālan'ti, “đã đi đến con đường tịch tĩnh, Đấng Mâu-ni y trên Niết-bàn mà chờ mệnh chung.